TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM ĐỘNG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HSST
Ngày 28.8.2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Trung Dũng và bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa: ông Dương Sơn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2023/TLST-HS ngày 17/7/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HS ngày 15/8/2023, đối với các bị cáo:

1. Vũ Đình T, sinh năm 1997; nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12. Con ông: Vũ Khắc T, con bà: Lê Thị B, vợ: Nguyễn Thị Huyền T. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019. Tiền án: Bản án số 06/2023/HSST ngày 16/02/2023 của Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, xử phạt 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, thời gian thử thách 03 năm. Tiền sự: không. Ngày 18/4/2023 bị cáo bị bắt tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Kim Động. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1999; nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12. Con ông: Nguyễn Văn T, con bà: Nguyễn Thị T, chồng: Vũ Đình T. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: không. Ngày 18/4/2023 bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Người bị hại: bà Trần Thị M, sinh năm 1972 (có mặt);

Trú tại: thôn B, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Trú tại: thôn L, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Lê Thị B, sinh năm 1976 (có mặt);

Trú tại : thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Người làm chứng:

+ Lê Văn L, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Trú tại: thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Nơi tạm trú và nơi ở hiện tại: thôn 5, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 08/3/2023, Vũ Đình T điều khiển xe mô tô, biển số 29X3 – 045.28, chở Nguyễn Thị Huyền T là vợ Vũ Đình T đi xin việc làm. Trên đường đi về đến thôn Bùi Xá, xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, thì Vũ Đình T phát hiện có một xe máy điện nhãn hiệu 133S, màu sơn đen, không gắn biển số, của bà Trần Thị M đang dựng ven đường, không ai canh giữ, Vũ Đình T nảy sinh ý định trộm cắp xe máy điện trên nên bảo T lấy chiếc xe này, T không nói gì, Vũ Đình T hiểu là T đồng ý. Vũ Đình T xuống xe dắt trộm chiếc xe máy điện khỏi vị trí dựng xe. Do không có chìa khoá xe máy điện nên Vũ Đình T bảo T ngồi trên xe máy điện, còn mình điều khiển xe mô tô và dùng chân đẩy xe máy điện. Đến cửa hàng sửa chữa xe mô tô của anh Lê Văn L, tại thôn T, xã H, huyện K, để sửa khoá xe máy điện. Khi sửa khoá Vũ Đình T, T không nói cho anh L biết là xe máy điện là do trộm cắp mà có. Sau đó, Vũ Đình T điều khiển xe mô tô, T điều khiển xe máy điện đến cửa hàng buôn bán xe đạp, xe máy điện B ở thôn Lương Hội, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động. T bán xe máy điện trộm cắp được cho anh Hoàng Văn B được 1.900.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 03/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Kim Động kết luận: Giá trị xe máy điện loại 133S chưa đăng ký, chưa có biển số, đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là 3.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 78/KL-KTHS(KTS) ngày 04/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong file video gửi giám định.

Vũ Đình T, Nguyễn Thị Huyền T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bà M đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Vũ Đình T, T.

Đối với anh Hoàng Văn B là người mua xe máy điện và anh Lê Văn L là người sửa khoá xe máy điện, do Vũ Đình T và T trộm cắp, nhưng đều không biết Vũ Đình T, T đã trộm cắp xe máy điện nên không có căn cứ xử lý.

Về vật chứng:

- Đối với xe mô tô, biển số 29X3 - 045.28, qua tra cứu xe mô tô trên đứng tên anh Nguyễn Văn A. Anh A khai đã bán xe mô tô trên vào năm 2012 nhưng không nhớ bán cho ai. Bị cáo và bà B xác định, bà B đưa tiền để bị cáo đi mua xe máy hộ bà B. Bà Lê Thị B khai nhận là tài sản của bà B mua năm 2022 nhưng không nhớ mua của ai. Bà B đề nghị được nhận lại xe mô tô trên.

- Đối với xe máy điện loại 133S, số khung RL9YHDHUMKC061678 là tài sản hợp pháp của bà Trần Thị M. Ngày 19/4/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Động (dưới đây viết tắt là: Cơ quan điều tra) đã trả xe máy điện trên cho bà M.

Về trách nhiệm dân sự: anh Hoàng Văn B yêu cầu Vũ Đình T, T trả lại cho anh B số tiền 1.900.000 đồng. Bà M không yêu cầu Vũ Đình T, T phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự.

Cáo trạng số 46/CT-VKSKĐ ngày 17/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động đã truy tố Vũ Đình T, Nguyễn Thị Huyền T về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động trình bày luận tội: giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Vũ Đình T, Nguyễn Thị Huyền T về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58: Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Đình T.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58: khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Huyền T.

Tuyên bố: các bị cáo Vũ Đình T, Nguyễn Thị Huyền T phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Xử phạt:

+ Bị cáo Vũ Đình T từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Buộc bị cáo Vũ Đình T phải chấp hành hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 06/2023/HSST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Tổng hợp hình phạt của hai bản án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù đến 03 (ba) năm tù. Thời hạn tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 18/4/2023.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Huyền T 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị Huyền T cho UBND xã N, huyện K, tỉnh H, quản lý giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại bà Lê Thị B 01 xe mô tô biển số 29X3 - 045.28.

Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét giải quyết.

- Bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo*:* Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và lời khai của bị hại, bản ảnh hiện trường, biên bản xác định hiện trường, Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 03/4/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Kim Động và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 08/3/2023, tại thôn Bùi Xá, xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Vũ Đình T và Nguyễn Thị Huyền T đã trộm cắp 01 xe máy điện loại 133S, số khung RL9YHDHUMKC061678, của bà Trần Thị M, có trị giá 3.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Vũ Đình T và Nguyễn Thị Huyền T nêu trên đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động truy tố các bị cáo Vũ Đình T và Nguyễn Thị Huyền T về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu nên đã trộm cắp tài sản, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần xét xử bị cáo Vũ Đình T, T tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả mà các bị cáo đã thực hiện để giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời cũng là bài học phòng ngừa tội phạm.

[3] Đối với anh Hoàng Văn B là người mua xe máy điện và anh Lê Văn L là người sửa khoá xe máy điện do Vũ Đình T, T trộm cắp, nhưng đều không biết Vũ Đình T, T đã trộm cắp xe máy điện nên không có căn cứ xử lý.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo Vũ Đình T phải chịu tình tiết tăng nặng Tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Phạm tội gây thiệt hại không lớn; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, được quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo T còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có xác nhận của UBND xã N, được quy định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Vũ Đình T là người có nhân thân xấu. Ngày 16/02/2023 bị cáo bị Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên, xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất hành vi phạm tội, vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Xét thấy, trong vụ án này, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vị trí, vai trò của từng người khi thực hiện tội phạm từ trước, mà khi phát hiện chiếc xe đạp điện không có người trông giữ các bị cáo mới nảy sinh ý định thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Vũ Đình T là người khởi xướng và tích cực thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vị trí thứ nhất, bị cáo đang chấp

hành hình phạt tù cho hưởng án treo, nhưng bị cáo không chịu lao động, học tập, cải tạo để trở thành công dân tốt mà bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới nên cần cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo T là người thực hành tích cực nên giữ vị trí thứ hai, bị cáo hiện nay đang nuôi con nhỏ, là lao động chính trong gia đình, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội cũng có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo Vũ Đình T phạm tội mới trong thời gian chấp hành án treo của Bản án số 06/2023/HSST ngày 16/02/2023 nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

[5] Về hình phạt bổ sung: tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy, các bị cáo là lao động tự do, có thu nhập thấp, không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe máy điện loại 133S, số khung RL9YHDHUMKC061678, là tài sản hợp pháp của bà Trần Thị M, ngày 19/4/2023 Cơ quan điều tra đã trả xe máy điện trên cho bà M, bà M không đề nghị gì nên không đặt ra giải quyết.

Đối với xe mô tô, biển số 29X3-045.28, qua tra cứu xe mô tô trên, tên chủ xe là anh Nguyễn Văn A. Anh A khai đã bán xe mô tô trên vào năm 2012 nhưng không nhớ bán cho ai. Bà Lê Thị B và bị cáo khai nhận, bà B đưa tiền nhờ bị cáo mua hộ xe mô tô trên từ năm 2022, nhưng không nhớ mua của ai. Bà B đề nghị được nhận lại xe mô tô trên. Xét thấy, chiếc xe mô tô trên do bà B là người đang trực tiếp quản lý, bà B cho bị cáo mượn xe không biết các bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội nên trả lại cho bà B.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 24/7/2023 bị cáo T đã hoàn trả anh Hoàng Văn B số tiền là 1.900.000 đồng. Bà Trần Thị M và anh Hoàng Văn B không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Đình T.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Huyền T.

Tuyên bố: bị cáo Vũ Đình T, Nguyễn Thị Huyền T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt:

- Bị cáo Vũ Đình T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Buộc bị cáo Vũ Đình T phải chấp hành hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù của bản án số 06/2023/HSST ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai bản án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 18/4/2023.

- Bị cáo Nguyễn Thị Huyền T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị Huyền T cho UBND xã N, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, quản lý giáo dục.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hành phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại bà Lê Thị B 01 xe mô tô biển số 29X3-045.28 (xe đã cũ không kiểm tra chất lượng).

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng nêu trên được thể hiện theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện Kim Động và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động ngày 25/7/2023).

Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, người có mặt tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THA);
- VKSND huyện;
- Cơ quan điều tra và bộ phận HSNV Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở Tư Pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Oanh